TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-PT
Ngày 27-3-2024
V/v tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Biền

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2023/QĐXX-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*:

1. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1970 và chị Ngô Thị L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L*: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bà T, ông T, ông T, anh C. Vắng mặt bà L, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-2-2023, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1977, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T mua lại thổ đất của ông Lại Đình C; thửa đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp thổ ông Đỗ Minh T; phía tây giáp thổ ông Nguyễn Văn Đốc; phía nam giáp đất ông Phan; phía bắc giáp vườn. Tại bản đồ 299 năm 1985 thể hiện, thổ ông T diện tích 580m^2, thổ ông T diện tích 520m^2. Thời điểm đo đạc, giữa thổ ông T và thổ ông T còn khoảng 2m chiều rộng đất trống (tính từ ao phía nam tức vị trí xây từ đường hiện nay về phía bắc) trong đó phần của mỗi gia đình là 1m chiều rộng. Năm 1981, ông T chuyển nhà lùi về phía nam ngang công trình nhà của ông T, bà T. Ông T chặt cây xoan, cây vam ở mốc phía nam, mốc phía bắc, đã lấy hết 1m rộng phần đất giữa hai nhà để làm nhà ở, xây dựng công trình sử dụng; còn lại 1m rộng thuộc quyền sử dụng của ông T nhưng gia đình ông T không trả mà lấn chiếm toàn bộ. Năm 1987, ông T xuất ngũ đã đề nghị xã đo khảo sát lại, kết quả: Thổ ông T diện tích 620 m^2 (thừa 100m^2), thổ ông T diện tích 482 m^2 (thiếu 98 m^2). Nếu tính cả diện tích đất 14 m^2 ông T đã tự nguyện hiến mở lối đi về phía bắc giữa thổ ông T và thổ ông Đốc và diện tích 18 m^2 đất lối đi giữa hộ ông T, hộ ông T đang sử dụng thì hộ ông T còn thiếu diện tích đất 66 m^2. Ông T, bà T đã nhiều lần làm đơn gửi các cấp có thẩm quyền giải quyết về việc bị ông T, bà L lấn chiếm ranh giới dẫn đến thiếu diện tích được giao nhưng quyền lợi của ông T, bà T vẫn không được đảm bảo. Khi đo đạc chuẩn bị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu, đoàn đo đạc có mời bà T chứng kiến nhưng việc đo đạc chủ yếu xác định theo mốc giới cho ông T xác định nên bà T không nhất trí. Cũng vì chưa công nhận diện tích 482 m^2 nên hộ gia đình ông T, bà T chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Trong khi đất đang có tranh chấp thì hộ ông T vẫn được cấp GCNQSDĐ lần đầu, đến năm 2022 thì làm thủ tục tặng cho cả thửa đất này cho con là vợ chồng anh C, chị L. Mặc dù vậy, ông T, bà L thực tế vẫn ở tại nhà đất đã tặng cho anh C, chị L. Năm 2021, sau khi xây xong công trình nhà đang ở hiện

nay, ông T lại cố tình xây 1 tường gạch dưới gầm ô văng nhà bà T để lấn chiếm mốc giới. Nay bà T, ông T đề nghị Tòa án buộc anh C, chị L và ông T, bà L trả lại phần đất ranh giới phía đông bị lấn chiếm diện tích 43 m^2, chiều cạnh cụ thể như sơ đồ đo hiện trạng do công ty Ân Khánh cung cấp.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn ông Đỗ Minh T trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp hiện nay là đất cha ông của ông T để lại, đã qua nhiều đời sử dụng. Đến đời ông nội ông T chia toàn bộ thổ đất cho hai con trai là ông Đỗ Văn Kinh và ông Đỗ Văn Huyền (đều đã chết). Gia đình ông T ở cùng và được bố đẻ là cụ Kinh tặng cho toàn bộ thổ đất. Ông Huyền xây nhà ở tại vị trí nhà cấp bốn ông T, bà T đang ở hiện nay. Năm 1966, ông Huyền chuyển nhượng nhà đất cho bà Cáp (hiện đã chết), bà Cáp nhượng lại cho ông Lại Đình C. Năm 1977, ông C bán lại nhà đất đang ở cho cụ Am là mẹ đẻ ông T; gia đình ông T đến ở cùng cụ Am tại thổ đất mua của ông C từ đó cho đến nay. Khi cụ Kinh, cụ Huyền còn sinh sống, phía nam các thửa đất của hai gia đình là ao to sử dụng chung, cụ Kinh đi qua sân cụ Huyền để ra đường. Sau khi cụ Huyền bán nhà đất thì các bên đã chia ao, đắp bờ, phân chia ranh giới rõ ràng để sử dụng. Quá trình sử dụng, nhà cũ của cụ Kinh, cụ Huyền để lại đều xuống cấp, gia đình ông T, ông T đều đã xây lại nhà. Tuy nhiên, gia đình ông T xây lại nhà trên nền móng nhà cũ của cụ Huyền, ông T xây nhà cấp bốn tiến về phía trước thẳng hàng với nhà cấp bốn của ông T. Khi xây nhà, ông T không xây hết đất tiếp giáp nhà ông T mà để lại một phần đất trống làm lối đi ra công trình phụ và vườn phía bắc. Sau đó, bà T nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà T, nhiều lần gửi đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết. Trong khi đó, từ năm 1987, ông T xây nhà thờ gia tiên tại phần đất ao phía nam thổ, giữa hai gia đình đã xảy ra tranh chấp về ranh giới, ông T đã đề nghị xã H giải quyết. Sau khi đo lại, ông T, bà T đã xây nhà từ đúng với ranh giới quyền sử dụng đất. Trên cơ sở kết quả đo dã ngoại, ngày 20/05/1997, hộ ông T được UBND huyện Hải Hậu cấp GCNQSDĐ thửa số 66, tờ bản đồ số 13, diện tích 620m^2 (gồm: 360 m^2 đất ở, 40m^2 đất vườn tạp, 220m^2 đất ao nuôi cá). Quá trình sử dụng, gia đình bà T xây tường rào phía nam và phía bắc tại vị trí ranh giới với thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông T. Phần đất phía bắc, gia đình ông T xây bếp, công trình phụ tiếp giáp tường rào xây bi (gia đình ông T xây) sử dụng liên tục từ nhiều năm trở lại đây. Ngày 26/09/2022, ông T, bà L làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất cho vợ chồng anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L nhưng thực tế ông T, bà L vẫn ở tại nhà đất này vì anh C, chị L thường xuyên đi làm ăn xa. Phần đất phía nam giáp đường ký hiệu S3, S7 trên sơ đồ đo hiện trạng gia đình ông T, gia đình ông T mua của gia đình ông Phan nhưng chưa làm thủ tục sang

tên. Trên thực tế, cả hai gia đình đã làm ngõ, đổ sân, làm cổng sử dụng, đến nay không tranh chấp với gia đình ông Phan. Từ trước đến nay, bị đơn sử dụng đất hợp pháp, không lấn chiếm quyền sử dụng đất của gia đình ông T, bà T. Tường rào từ bắc về nam đều do ông T, bà T xây để phân định ranh giới. Đoạn tường rào, cổng, trụ cổng ở vị trí giữa do ông T xây dựng nối tường rào phía bắc và phía nam do ông T xây dựng thành đường thẳng theo đúng bản đồ địa chính. Gia đình ông T chỉ sử dụng đúng phần đất phía đông tường rào, cổng do hai gia đình xây dựng như trên, không lấn chiếm quyền sử dụng đất của hộ ông T. Phần đất nguyên đơn cho rằng bị lấn chiếm ranh giới quyền sử dụng đất diện tích 43 m^2 thuộc về phía đông tường rào nguyên đơn đã xây như sơ đồ đo hiện trạng, các bị đơn đều không nhất trí, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2023, người làm chứng bà Đào Thị Ý trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất gia đình bà Ý đang sinh sống, đã được cấp GCNQSDĐ năm 1997 là do cụ Đốc (bố chồng bà Ý) để lại. Thời điểm trước năm 1997, lối đi chung giữa hai gia đình chỉ dài khoảng 1/2 lối đi hiện nay (tính từ sân nhà bà T về phía nam). Phần còn lại là đất vườn thuộc quyền sử dụng hộ bà Ý và hộ ông T; hai gia đình vẫn đi qua vườn để ra cánh đồng phía bắc. Khi đó, hộ ông T cũng chưa có lối đi riêng mà đi qua sân vườn nhà ông T để ra đường. Thời điểm đo đạc để cấp GCNQSDĐ, hộ ông T phải bỏ ra một phần diện tích đất làm lối đi chung với hộ ông T như hiện nay, hộ bà Ý và hộ ông T thống nhất mỗi hộ để lại một phần đất vườn mở rộng lối đi phía nam và mở thêm lối đi về phía bắc. Diện tích cụ thể mỗi gia đình bỏ ra làm lối đi là bao nhiêu bà Ý không nhớ rõ, hai bên gia đình cũng chỉ thống nhất miệng, không lập thành văn bản. Từ trước đến nay, giữa bà Ý và ông T, bà T không tranh chấp gì về quyền sử dụng đất. Mặc dù hộ bà Ý, hộ ông T, hộ ông T ở ba thửa đất đất thẳng hàng nhau nhưng mốc giới giữa nhà ông T, nhà ông T được xác định như thế nào, lấy gì để làm căn cứ thì bà Ý không biết rõ. Tường rào phía đông tính từ công trình nhà ở về phía bắc gia đình bà T xây từ khi xây nhà cấp bốn đang ở hiện nay; phần tường rào phía nam gia đình bà T xây một phần từ khi xây nhà từ; cổng tại vị trí lối đi chung là do ông T xây, tường rào phía nam, bắc và cổng thẳng nhau. Phần đất lối đi chung hiện nay giữa hộ ông T, hộ ông T là đất trước đây thuộc quyền sử dụng của hộ ông T. Quá trình sử dụng đất từ xưa đến nay, giữ hộ bà Ý và hộ ông T không tranh chấp; hộ ông T và hộ ông T tranh chấp từ nhiều năm trở lại đây. Đến nay, hộ ông T và hộ ông T tranh chấp ranh giới phía đông, vì không liên quan đến thổ đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Ý nên bà Ý không có ý kiến, đề nghị gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại văn bản viết tay ghi ngày 11 tháng 01 năm 2016 có xác nhận của chính quyền địa phương, người làm chứng ông Lại Đình C trình bày: Khi ông C sử

dụng và chuyển nhượng lại toàn bộ thổ đất cho ông bà Am là bố mẹ đẻ ông T thì thổ đất này là dải đất liền, không bị chia tách bởi lối đi với hộ ông T như hiện nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử không chấp nhận yêu cầu về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Đỗ Minh T, bà Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 66 và thửa đất số 60, 61 cùng thuộc tờ bản đồ số 13 xã H là đoạn thẳng được giới hạn bởi các điểm 2-3-26-14. Phần đất tranh chấp diện tích 43m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-3-26-14-13-12-11-10-24-2 thuộc thửa đất số 66 tờ bản đồ số 13 thuộc quyền sử dụng của anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L.

(Việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất có sơ đồ vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm:

- Làm rõ tại sao nhà ông T được cấp sổ đỏ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong lúc giữa hai gia đình đang xảy ra tranh chấp đất đai;

- So sánh bản đồ lập năm 1979 với bản đồ lập năm 1987, thì đất nhà bà T còn thiếu 84m^2, vì vậy yêu cầu gia đình ông T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho gia đình nhà bà T;

- So sánh bản đồ lập năm 1979, thì thửa đất nhà bà T không bị cắt ngang, nhưng do việc gia đình ông T mở ngõ đi cắt ngang thửa đất nhà bà; do vậy hiện nay bà T không cho gia đình ông T đi qua thửa đất nhà bà nữa, yêu cầu ông T phải trả ngõ cho gia đình bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến : Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm , Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử,

căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà , căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà , Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đề nghị cấp phúc thẩm làm rõ tại sao nhà ông T được cấp sổ đỏ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong lúc giữa hai gia đình đang xảy ra tranh chấp đất đai; So sánh bản đồ lập năm 1979, thì thửa đất nhà bà T không bị cắt ngang, nhưng do việc gia đình ông T mở ngõ đi cắt ngang thửa đất nhà bà; do vậy hiện nay bà T không cho gia đình ông T đi qua thửa đất nhà bà nữa, yêu cầu ông T phải trả ngõ cho gia đình bà T. HĐXX xét thấy các yêu cầu nói trên chưa được, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, cho thấy các nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, đề nghị Tòa án buộc anh C, chị L và ông T, bà L trả lại phần đất ranh giới phía đông bị lấn chiếm diện tích 43 m^2, HĐXX thấy:

Lý do chủ yếu mà bà Nguyễn Thị T khởi kiện cho rằng gia đình ông Đỗ Minh T lấn chiếm đất của gia đình bà T là vì: Theo Bản đồ địa chính của xã H lập năm 1985 diện tích đất của gia đình bà T sử dụng có số thửa 17 thuộc tờ bản đồ số 4 với diện tích 580 m^2; còn diện tích đất của gia đình ông T sử dụng có số thửa 18 thuộc tờ bản đồ số 4 với diện tích 520 m^2. Đến Bản đồ địa chính của xã H lập năm 1997 diện tích đất của gia đình bà T sử dụng thể hiện ở hai thửa gồm thửa số 60 có diện tích là 360m^2 và thửa số 61 có diện tích là 127m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 13, tổng diện tích hai thửa chỉ còn 487m^2 thiếu 93m^2; còn diện tích đất của gia đình ông T sử dụng có số thửa 66 thuộc tờ bản đồ số 4 với diện tích 620 m^2, tăng lên 100m^2. Ngoài ra vợ chồng bà T không công nhận ranh giới quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay giữa gia đình bà T với gia đình ông T.

Theo quan điểm của vợ chồng bà T thì ranh giới giữa các thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà T và hộ gia đình ông T phải được xác định về phía đông hiện trạng tức phía đông tường rào do hộ ông T và hộ ông T đã xây dựng thuộc phần đất ông T đang sử dụng, là đường thẳng được giới hạn bởi các

điểm 13, 12, 11, 10, 24 trên sơ đồ đo hiện trạng thể hiện trong hồ sơ của vụ án. Tổng diện tích gia đình bà T bị gia đình ông T lấn chiếm là 43m^2 (phần rộng nhất phía nam là 1,3m nhỏ dần đến điểm đầu phía bắc là 0,6m). Trên phần đất tranh chấp này, gia đình ông T đã xây một phần tường rào, cổng, trồng cột đèn, cau cảnh và một phần tường nhà sử dụng. Ông T không nhất trí với việc xác đinh ranh giới quyền sử dụng đất của bà T, đề nghị công nhận ranh giới quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng.

Tại phiên tòa, bà T công nhận tường rào phía bắc, phía nam được xây dựng làm ranh giới giữa hai gia đình là do gia đình bà T xây dựng, thẳng hàng với tường rào và cổng, tường nhà do ông T xây dựng. Trong đó, tường rào phía bắc bà T xây từ khi xây nhà khoảng năm 1981, tường rào phía nam xây khoảng năm 2005 (thời điểm xây nhà từ). Về phía bắc tiếp giáp với tường rào phía bắc nhà bà T, gia đình ông T đã xây bếp, công trình phụ sử dụng cũng từ năm 1981 đến nay vẫn còn nguyên hiện trạng, tường nhà mới xây năm 2021 cũng xây thẳng tường rào phía nam, phía bắc. Gia đình bà T chưa bao giờ sử dụng đến phần đất phía đông tường rào, toàn bộ diện tích đất này do gia đình ông T sử dụng. Cho đến nay, bà T cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh mốc giới đất giữa hai gia đình đã bị thay đổi, bị lấn chiếm so với khi nhận chuyển nhượng, nhận bàn giao quyền sử dụng đất từ ông C.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày việc ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) và được ghi nhận quyền sử dụng đất tại hồ sơ địa chính cũng như bản đồ địa chính của xã H lập năm 1997 nhiều hơn diện tích được ghi nhận tại bản đồ địa chính năm 1985 diện tích 100 m^2. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy Bản đồ địa chính xã H lập năm 1985 đến nay không còn giá trị pháp lý, đã được chỉnh lý, thay thế bằng Bản đồ địa chính lập năm 1997. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T cũng như các hộ gia đình khác trên địa bàn xã H là căn cứ vào số liệu của Bản đồ địa chính lập năm 1997.

Căn cứ hồ sơ địa chính, kết quả đo đạc thực địa, hiện trạng sử dụng, lời khai của các đương sự cho thấy về ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình bà T và gia đình ông T trên thực tế là bức tường bao (tường rào) ở phía Đông nhà bà T được hai bên xây dựng từ năm 2005 trở về trước, các bên đã sử dụng ổn định tính đến nay gần 20 năm. Vì vậy, yêu cầu của bà T về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với diện tích 43m^2 đối với các bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và xác định phần đất diện tích đất 43m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-3-26-14-13-12-11-10-24-2 thuộc quyền sử dụng của anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L, là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị T thuộc đối tượng là người cao tuổi. Do vậy cần căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử không chấp nhận yêu cầu về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Đỗ Minh T, bà Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L.

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 66 và thửa đất số 60,61 cùng thuộc tờ bản đồ số 13 xã H là đoạn thẳng được giới hạn bởi các điểm 2-3-26-14. Phần đất tranh chấp diện tích 43m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-3-26-14-13-12-11-10-24-2 thuộc thửa đất số 66 tờ bản đồ số 13 thuộc quyền sử dụng của anh Đỗ Văn C, chị Ngô Thị L.

(Việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất có sơ đồ vẽ kèm theo).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam